BỘ CÔNG AN

BỘ CÔNG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 12/2011/TT-BCA-C41

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2011

THÔNG TƯ
Quy định biểu mẫu và chế độ báo cáo thống kê về phòng, chống ma túy

Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy năm 2000 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống ma túy năm 2008;

Căn cứ Luật Thống kê năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 77/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Căn cứ Quyết định số 127/2009/QĐ-TTg ngày 26 tháng 10 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chế độ báo cáo thống kê về phòng, chống ma túy;

Bộ trưởng Bộ Công an quy định biểu mẫu thống kê và chế độ báo cáo thống kê về phòng, chống ma túy như sau:

Điều 1. Biểu mẫu thống kê về phòng, chống ma túy

Ban hành kèm theo Thông tư này các biểu mẫu thống kê về phòng, chống ma túy sau đây:

1. Biểu mẫu BMS 1 và biểu mẫu BMS 1A để thống kê số liệu có liên quan về phòng, chống ma túy; biểu mẫu BMS 1B để thống kê thông tin về người nghiện ma túy dùng cho Công an xã, phường, thị trấn (gọi chung là Công an cấp xã).

2. Biểu mẫu BMS 2 để thống kê số liệu có liên quan về phòng, chống ma túy dùng cho Công an huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (gọi chung là Công an cấp huyện).

3. Biểu mẫu BMS 2A để thống kê thông tin người phạm tội về ma túy dùng cho Công an cấp huyện, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy.

4. Biểu mẫu BMS 3 để thống kê số liệu có liên quan về phòng, chống ma túy dùng cho Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là Công an cấp tỉnh).

5. Biểu mẫu BMS 4 để thống kê số liệu có liên quan đến phòng, chống tội phạm về ma túy dùng cho Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy.

6. Biểu mẫu BMS 4A để thống kê số liệu có liên quan về phòng, chống ma túy dùng cho Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an.

7. Biểu mẫu BMS 5 để thống kê số liệu có liên quan về phòng, chống ma túy dùng cho Tổng cục Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp.

8. Biểu mẫu số BMS 6 để thống kê số liệu có liên quan về phòng, chống ma túy của Bộ Công an.

9. Biểu mẫu BMS 7, biểu mẫu BMS 7A, biểu mẫu BMS 7B và biểu mẫu BMS 7C để Bộ Công an thống kê tổng hợp số liệu về phòng, chống ma túy của các bộ ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan báo cáo Chính phủ.

Điều 2. Chế độ báo cáo thống kê về phòng, chống ma túy

1. Công an cấp xã thực hiện báo cáo tháng theo biểu mẫu BMS 1A, báo cáo 6 tháng và báo cáo năm theo biểu mẫu BMS 1 gửi Công an cấp huyện. Biểu mẫu BMS 1B lưu tại đơn vị.

2. Công an cấp huyện thực hiện báo cáo 6 tháng và báo cáo năm theo biểu mẫu BMS 2 gửi Công an cấp tỉnh. Biểu mẫu BMS 2A lưu tại đơn vị.

3. Công an cấp tỉnh thực hiện báo cáo 6 tháng và báo cáo năm theo biểu mẫu BMS 3 gửi Bộ Công an (qua Văn phòng Thường trực phòng, chống tội phạm và ma túy). Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an cấp tỉnh thống kê theo biểu mẫu BMS 2A để lưu tại đơn vị.

4. Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy thực hiện báo cáo 6 tháng và báo cáo năm theo biểu mẫu BMS 4 gửi Văn phòng Thường trực phòng, chống tội phạm và ma túy. Biểu mẫu BMS 2A lưu tại đơn vị.

5. Viện Khoa học hình sự thực hiện báo cáo 6 tháng và báo cáo năm theo biểu mẫu BMS 4A gửi Văn phòng Thường trực phòng, chống tội phạm và ma túy.

6. Tổng cục Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp thực hiện báo cáo 6 tháng và báo cáo năm theo biểu mẫu BMS 5 gửi Văn phòng Thường trực phòng, chống tội phạm và ma túy.

7. Văn phòng Thường trực phòng, chống tội phạm và ma túy thực hiện tổng hợp số liệu thống kê về phòng, chống ma túy 6 tháng và hàng năm của Bộ Công an theo biểu mẫu BMS 6.

8. Văn phòng Thường trực phòng, chống tội phạm và ma túy thực hiện tổng hợp số liệu thống kê về phòng, chống ma túy 6 tháng, hàng năm của các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan để Bộ Công an báo cáo Chính phủ theo các biểu mẫu BMS 7, BMS 7A, BMS 7B và BMS 7C.

9. Kỳ hạn báo cáo thực hiện theo Chế độ báo cáo thống kê về phòng, chống ma túy ban hành kèm theo Quyết định số 127/2009/QĐ-TTg ngày 26/10/2009 của Thủ tướng Chính phủ. Số liệu đầu kỳ báo cáo là số liệu ngày cuối cùng của kỳ hạn báo cáo trước; số liệu cuối kỳ báo cáo là số liệu ngày cuối cùng của kỳ hạn báo cáo.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 5 năm 2011.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

1. Các Tổng cục trưởng, Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Bộ, Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Tổng cục trưởng Tổng cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc nảy sinh, Công an các đơn vị, địa phương báo cáo về Bộ Công an (qua Tổng cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm) để có hướng dẫn kịp thời./.

BỘ TRƯỞNG

Đại tướng Lê Hồng Anh